

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG HSK
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 22/06/2024 - TRÌNH ĐỘ HSKK TC

PHÒNG THI: 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H82405850200000248	NGUYEN THI HONG HOA	女	2005-07-16	024305013135	IE 4.13	
2	H82405850200000249	NGUYEN THI HUE	女	2005-10-11	024305013168	IE 4.13	
3	H82405850200000250	NGUYEN BUI KIM NGAN	女	2007-12-16	024307001068	IE 4.13	
4	H82405850200000251	THAN THI BAO YEN	女	2007-09-23	024307005734	IE 4.13	
5	H82405850200000252	DOAN THI QUYNH	女	2007-12-10	024307006597	IE 4.13	
6	H82405850200000253	NGUYEN THI HIEN	女	2007-10-06	024307009216	IE 4.13	
7	H82405850200000254	LE HA VI	女	2007-12-07	024307010281	IE 4.13	
8	H82405850200000255	DO THU TRANG	女	2007-04-16	024307013546	IE 4.13	
9	H82405850200000256	NGUYEN MANH LUC	男	1991-11-13	025091009063	IE 4.13	
10	H82405850200000257	NGUYEN THI PHUONG THANH	女	1989-05-22	025189004215	IE 4.13	
11	H82405850200000258	NGUYEN THU TRANG	女	1996-05-25	025196007387	IE 4.13	
12	H82405850200000259	NGUYEN QUYNH ANH	女	2006-02-15	025306007502	IE 4.13	
13	H82405850200000260	NGUYEN HONG TAM	女	1996-11-12	026196002622	IE 4.13	
14	H82405850200000261	HOANG VAN NAM	男	2002-01-31	026202001326	IE 4.13	
15	H82405850200000262	NGUYEN THI THU HUONG	女	2000-11-04	026300001942	IE 4.13	
16	H82405850200000263	NGUYEN THI BE	女	2001-10-02	026301006225	IE 4.13	
17	H82405850200000264	NGUYEN THI CHUC	女	2002-05-29	026302008613	IE 4.13	
18	H82405850200000265	NGUYEN THI NGOC HA	女	2003-10-31	026303004221	IE 4.13	
19	H82405850200000266	DAO THI HIEN	女	2003-02-09	026303004222	IE 4.13	
20	H82405850200000267	HOANG THI THU HA	女	2003-02-14	026303004871	IE 4.13	
21	H82405850200000268	LUONG TU SANH	女	2007-02-27	026307000099	IE 4.13	
22	H82405850200000269	NGUYEN THANH CHUC	女	2007-01-02	026307000184	IE 4.13	
23	H82405850200000270	NGUYEN THI LAN ANH	女	2007-08-18	026307007836	IE 4.13	
24	H82405850200000271	VUONG DOAN DUC	男	1992-11-15	027092000173	IE 4.13	
25	H82405850200000272	NGUYEN THI GIANG	女	1987-03-08	027187007546	IE 4.13	
26	H82405850200000273	NGUYEN THI HA	女	1994-12-09	027194012245	IE 4.13	
27	H82405850200000274	NGUYEN THI THUY	女	1998-01-24	027198001763	IE 4.13	
28	H82405850200000275	NGUYEN THI AI	女	2001-10-01	027301002245	IE 4.13	
29	H82405850200000276	VU THI THUY DUONG	女	2006-03-17	027306009022	IE 4.13	
30	H82405850200000277	VU THI HAI YEN	女	1990-01-02	030190007468	IE 4.13	
31	H82405850200000278	PHAM THI HUONG	女	1992-01-21	030192001531	IE 4.13	
32	H82405850200000279	TRUONG THI MINH ANH	女	1998-08-04	030198007740	IE 4.13	
33	H82405850200000280	LE PHUONG THAO	女	1999-08-14	030199008023	IE 4.13	
34	H82405850200000281	NGUYEN THI HANG	女	1999-01-09	030199008169	IE 4.13	
35	H82405850200000282	TRUONG THI MINH ANH	女	2000-11-08	030300000789	IE 4.13	
36	H82405850200000283	DUONG QUYNH ANH	女	2002-11-25	030302001647	IE 4.13	

Ấn định danh sách có 36 thí sinh.